TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1428/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-10-2018.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nở

2. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thuỳ - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4278/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Kim Dong E, sinh năm 1981; nơi cư trú: Gwanggjin-gu, Seoul, Korea (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố A, phường Tân R, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/5/2018 và các bản tự khai, nguyên đơn ông Kim Dong E trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Huyền T tự nguyện đăng ký kết hôn số 11/2016 ngày 25/8/2016 tại Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không hoà hợp, thường xuyên gây gổ, cãi vã. Cuộc sống chung không hạnh phúc. Ông xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Kim Dong E yêu cầu ly hôn. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn". Ông Kim Dong E hiện đang cư trú ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Ông Kim Dong E và bà Nguyễn Thị Huyền T có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, không cảm thông, chia sẻ. Hai bên xác định tình cảm không còn, cùng xin được ly hôn.

Theo văn bản ủy quyền ngày 03/5/2018, nội dung ông Kim Dong E đã uỷ quyền cho ông Trịnh Minh T1 được thay mặt ông nhận các văn bản tố tụng của Toà án.

Theo văn bản uỷ quyền ngày 25/6/2018, nội dung bà Nguyễn Thị Huyền T đã uỷ quyền cho ông Văn Hữu T2 được thay mặt bà nhận các văn bản tố tụng của Toà án.

Các văn bản về việc thụ lý vụ án, về thời gian mở phiên họp hoà giải đã được tống đạt hợp lệ nhưng ông Kim Dong E và bà Nguyễn Thị Huyền T không có văn bản nào khác với ý kiến tại bản tự khai.

Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4278/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/9/2018, thông báo thời gian mở phiên toà là ngày 11/10/2018. Ông Kim Dong E và bà Nguyễn Thị Huyền T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét thấy, các đương sự có bản tự khai xác định tình cảm không còn, đồng ý ly hôn và không yêu cầu giải quyết về nợ chung, tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đã không có văn bản nêu ý kiến khác và cũng không đến Toà để giải quyết vụ án, đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Đây là cơ sở để xác định cuộc sống chung giữa ông Kim Dong E và bà Nguyễn Thị Huyền T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Kim Dong E.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: ông Kim Dong E phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 122 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26; điểm 1.1, mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Kim Dong E.

a) Về quan hệ hôn nhân: Ông Kim Dong E được ly hôn với bà Nguyễn Thị Huyền T. Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2016 ngày 25/8/2016 tại Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: không có.

c) Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Kim Dong E phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền ông Kim Dong E đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0044542 ngày 16/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Kim Dong E đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Ông Kim Dong E được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, bà Nguyễn Thị Huyền T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Điệp